

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

TT	CHỦ ĐỀ	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ												Tổng	Tỉ lệ % Điểm			
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận							
			Nhiều lựa chọn			Đúng - sai			Trả lời ngắn										
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng			Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Số tự nhiên	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên (5 tiết)	1	1					1			1			3	1		15%	
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên (9 tiết)	2							1		1			1	3	1	1	30,0%
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố (8 tiết)	2	2		1	2	1					1		3	4	2	25,0%	
2	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều. Hình vuông. Lục giác đều (3 tiết)	2											1	2		1	10%	
		Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành (6 tiết)	1	1		1	2	1		1					2	4	1	20%	
Tổng số câu			8	4	0	2	4	2	2	1	1	1	1	2	13	10	5		
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10	
Tỉ lệ %			30%			20%			20%			30%			100%			100%	

		<p>hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.</p> <p>– Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.</p> <p>– Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).</p>											
	<p>Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố (8 tiết)</p>	<p>Nhận biết :</p> <p>– Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.</p> <p>– Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.</p> <p>– Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.</p>	<p>C5 C6</p>			<p>C13a</p>						<p>B1b</p>	
		<p>Thông hiểu:</p> <p>- Hiểu quan hệ chia hết của một tổng, hiệu, tích.</p> <p>-Hiệu dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không.</p>	<p>C7 C8</p>			<p>C13 b,c</p>							
		<p>Vận dụng:</p> <p>– Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để</p>					<p>C13 d</p>						

			sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...).												
2	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều. Hình vuông. Lục giác đều (3 tiết)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. 	C9 C10											
			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau). 												
			<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên. 										B3		
		Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành (6 tiết)	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. 	C11		C14a									
			<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. 	C12		C14 b,c			C18						

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3,0 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Cho tập hợp $A = \{2; 4; 7; 10\}$. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $2 \notin A$.
B. $4 \notin A$.
C. $7 \in A$.
D. $12 \in A$.

Câu 2. Số La Mã XXII đọc là:

- A. tám.
B. mười.
C. mười một.
D. mười hai.

Câu 3. Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là:

- A. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$.
B. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$.
C. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$.
D. $\{ \} \rightarrow () \rightarrow []$.

Câu 4. Giá trị của lũy thừa 2^3 là:

- A. 5.
B. 6.
C. 8.
D. 1.

Câu 5. Trong các số 102; 353; 50; 68, số nào là bội của 5?

- A. 102.
B. 353.
C. 50.
D. 68.

Câu 6. Trong các số sau, số nguyên tố là:

- A. 1.
B. 17.
C. 25.
D. 9.

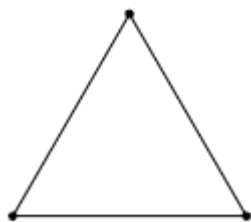
Câu 7. Số nào sau đây chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9?

- A. 456.
B. 5301.
C. 1314.
D. 9018.

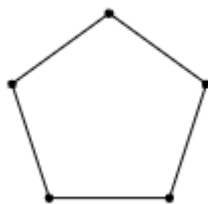
Câu 8. Cho $M = 12 + x$, với giá trị nào của x thì M chia hết cho 3?

- A. $x = 17$.
B. $x = 33$.
C. $x = 16$.
D. $x = 50$.

Câu 9. Cho các hình sau, hình tam giác đều là:



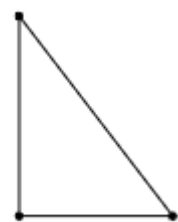
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1.
B. Hình 2.
C. Hình 3.
D. Hình 4.

Câu 10. Trong các hình sau, hình có 4 góc bằng nhau là

- A. Hình thoi.
B. Hình vuông.
C. Hình bình hành.
D. Hình thang.

Câu 11. Khẳng định nào sau đây *sai*?

Hình thoi có:

- A. Hai đường chéo bằng nhau.
B. Bốn cạnh bằng nhau.
C. Các cạnh đối song song.
D. Các góc đối bằng nhau.

Câu 12. Diện tích hình chữ nhật có độ dài hai cạnh lần lượt là 10cm; 20cm bằng:
A. 30cm. B. 60cm^2 . C. 200cm. D. 200cm^2 .

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13. Một nhóm học sinh đang thực hiện dự án trồng cây xanh trong khuôn viên trường. Các em có 105 cây con và muốn chia đều số cây này thành các luống cây.

Hãy xét xem các phát biểu sau đây là đúng hay sai:

- Số 105 là một số chia hết cho 5.
- Số 105 là một số nguyên tố.
- Nếu mỗi luống trồng 3 cây thì số cây sẽ được chia đều và không dư.
- Các em có thể chia 105 cây con thành các luống, mỗi luống 15 cây.

Câu 14. Cho mảnh vườn hình chữ nhật có hai cạnh lần lượt là 7 (m) và 4 (m). Các khẳng định sau đúng hay sai?



- Hai đường chéo của mảnh vườn bằng nhau.
- Chu vi hình chữ nhật là 14 (m).
- Diện tích hình chữ nhật là: $28\text{ (m}^2\text{)}$.
- Người ta muốn làm hàng rào bao quanh mảnh vườn bằng dây thép gai, giá mỗi dây thép gai là 70 000 đồng. Vậy số tiền để mua dây thép là 1 540 000 đồng.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (2,0 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 15 đến câu 18.

Câu 15. Cho M là tập hợp các số tự nhiên chẵn lớn hơn 4 và không vượt quá 12. Tập hợp M có bao nhiêu phần tử.

Câu 16. Tính giá trị của biểu thức: $99 - 18 : 2 + 7$.

Câu 17. Trong đợt giảm giá tại một cửa hàng thời trang, Hà có mua một chiếc áo len giá 230 nghìn đồng, một chiếc quần bò có giá 370 nghìn đồng và một đôi giày với giá 720 nghìn đồng. Biết trong chương trình, cửa hàng sẽ giảm 30 nghìn đồng cho mỗi sản phẩm có giá trị trên 300 nghìn đồng. Vậy Hà cần trả cho cửa hàng bao nhiêu triệu đồng.

Câu 18. Cho hình chữ nhật có đường chéo 6cm . Vẽ một hình thoi có cạnh là đường chéo của hình chữ nhật đó. Tính chu vi của hình thoi.

PHẦN IV. Tự luận (3,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm): Cho tập hợp $A = \{x \mid x \in N, 4 < x \leq 9\}$

- Viết tập hợp A bằng cách liệt kê các phần tử của tập hợp.
- Chỉ ra các số nguyên tố và hợp số trong tập hợp A.

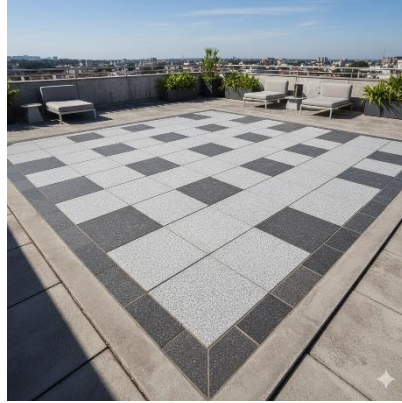
Bài 2 (1,5 điểm): Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể)

a) $31.175 - 31.50 + 69.125$.

b) $12 : \{400 : [500 - (5^3 + 25.7)]\}$.

Bài 3 (0,5 điểm):

Để lát nền một sân thượng hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là $5m$ và $8m$, người ta dùng loại đá granite hình vuông độ dài cạnh là $20cm$. Biết giá một viên đá granite là $30\,000$ đồng thì cần bao nhiêu tiền để mua đủ số gạch lát hết sân thượng.



-----**HẾT**-----

PHẦN I

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Chọn	C	D	A	C	C	B	A	B	A	B	A	D

PHẦN II

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,0 điểm.

Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.

Câu 13.	Câu 14.
a) Đ	a) Đ
b) S	b) S
c) Đ	c) Đ
d) Đ	d) Đ

Câu 13:

a) **Đúng.** Số 105 có chữ số tận cùng là 5, nên 105 chia hết cho 5.

b) **Sai.** Số 105 có ước là 5 khác 1 và 105 nên số 105 là hợp số.

c) **Đúng.** Để biết số cây có được chia đều và không dư khi mỗi luống trồng 3 cây, ta cần kiểm tra xem 105 có chia hết cho 3 hay không. Dấu hiệu chia hết cho 3 là tổng các chữ số của số đó chia hết cho 3. Tổng các chữ số của 105 là $1 + 0 + 5 = 6$. Vì 6 chia hết cho 3, nên 105 chia hết cho 3.

d) **Đúng.** Để biết các em có thể chia 105 cây con thành các luống, mỗi luống 15 cây, ta cần kiểm tra xem 105 có chia hết cho 15 hay không. Ta có thể thực hiện phép chia $105 : 15 = 7$. Vì phép chia không có dư, nên có thể chia 105 cây con thành 7 luống, mỗi luống 15 cây.

Câu 14:

a) **Đúng.** Vì mảnh vườn dạng hình chữ nhật nên hai đường chéo bằng nhau.

b) **Sai.** Chu vi hình chữ nhật là: $2(7 + 4) = 22$ (m).

c) **Đúng.** Diện tích hình chữ nhật là: $7.4 = 28$ (m²).

d) **Đúng.** Độ dài dây thép gai làm hàng rào là chu vi của hình chữ nhật: 22 (m)

Số tiền để mua dây thép là: $22 \cdot 70\,000 = 1\,540\,000$ (đồng)

PHẦN III

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh Được 0,5 Điểm)

Câu	15	16	17	18
Chọn	4	97	1,26	24

Câu 15:

$M = \{6; 8; 10; 12\}$. Tập hợp M có 4 phần tử.

Câu 16:

$$99 - 18 : 2 + 7 = 99 - 9 + 7 = 97.$$

Câu 17:

Giá thành của chiếc quần bò sau khi giảm là: $370 - 30 = 340$ (nghìn đồng)

Giá thành của đôi giày sau khi giảm là: $720 - 30 = 690$ (nghìn đồng)

Tổng số tiền Hà cần trả cho cửa hàng là: $230 + 340 + 690 = 1260$ (nghìn đồng)
 $= 1,26$ (triệu đồng).

Vậy Hà cần phải trả cho cửa hàng 1,26 triệu đồng.

Câu 18:

Chu vi của hình thoi là: $6 \cdot 4 = 24$ (cm).

Phần IV. Tự luận (3,0 điểm)

Bài	Nội dung	Điểm
1 1,0 điểm	a) $A = \{5; 6; 7; 8; 9\}$	0,5
	b) Các số nguyên tố là: 5; 7. Các số là hợp số là: 6; 8; 9.	0,5
2 1,5 điểm	a) $31.175 - 31.50 + 69.125$ $= 31(175 - 50) + 69.125$ $= 31.125 + 69.125$ $= 125(31 + 69)$ $= 125.100$ $= 12500.$	0,25 0,25 0,25
	b) $12 : \{400 : [500 - (5^3 + 25 \cdot 7)]\}$	

